

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **34/2019/DS-ST**.

Ngày 30-7- 2019.

“V/v tranh dân sự về hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Phát Triển;

Ông: Đặng Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 408/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Minh S, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Tân B, xã Phong H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Minh S là ông Trần Văn N, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp Tân B, xã Hòa T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Cao Thị Đ, Sinh năm: 1960 (Vắng mặt);

Trần Bá P, Sinh năm: 1956 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Long K, xã Long H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, tờ tường trình ngày 12/4/2019 cũng như tại phiên tòa người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Minh S là ông Trần Văn N trình bày:

Vào ngày 05/12/2014, Lê Minh S có bán cho Trần Bá P và Cao Thị Đ phân bón hiệu “Năm Sao” với tổng giá trị là 67.290.000 đồng, ông S đã giao đủ hàng cho ông P, bà Đ (Việc giao nhận hàng có ghi vào sổ theo dõi và ký nhận), đến ngày 17/5/2015 ông P, bà Đ đã thanh toán được 12.000.000 đồng, còn lại là 55.290.000 đồng.

Ngày 05/12/2016, ông S; ông P và Đ có thỏa thuận là ông P, bà Đ sẽ trả số tiền 30.290.000 đồng cho ông S (còn lại 25.000.000 đồng). Hai bên cam kết nếu đến hết ngày 28/02/2017 ông P, bà Đ thanh toán tiếp số tiền 15.000.000 đồng thì ông S sẽ giảm nợ cho ông P, bà Đ số tiền còn lại là 10.000.000 đồng, nếu không thì ông P, bà Đ phải trả đủ số tiền 25.000.000 đồng (Việc thỏa thuận có làm biên bản thỏa thuận). Từ khi làm Biên bản thỏa thuận đến nay ông P, bà Đ không thanh toán khoản tiền nào cho ông S. Nay ông Trần Văn N yêu cầu Trần Bá P và Cao Thị Đ hoàn trả cho ông Lê Minh S số tiền là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả 4.980.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2019), tổng vốn và lãi là 29.980.000 đồng.

Bị đơn Cao Thị Đ, Trần Bá P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Cao Thị Đ, Trần Bá P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Minh S là ông Trần Văn N cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn Cao Thị Đ, Trần Bá P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Minh S tranh chấp với bà Cao Thị Đ và ông Trần Bá P số tiền mua bán phân bón là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả 4.980.000 đồng, tổng vốn và lãi là 29.980.000 đồng nên Tòa án xác định đây là tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản.

Các đương sự hiện đang cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Cao Thị Đ và Trần Bá P đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Cao Thị Đ và Trần Bá P vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn N yêu cầu Trần Bá P và Cao Thị Đ hoàn trả cho ông Lê Minh S số tiền nợ hợp đồng mua bán vốn là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả 4.980.000 đồng (Mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2019), tổng vốn và lãi là 29.980.000 đồng.

Xét việc thỏa thuận mua bán phân thuốc trừ sâu giữa ông S, bà Đ và ông P cho thấy: mặc dù các bên không có làm hợp đồng bằng văn bản nhưng hình thức mua bán đã được các bên thống nhất bằng việc khi giao nhận hàng có ghi vào sổ theo dõi và ký nhận. Việc giao nhận hàng và thanh toán nợ được các bên thống nhất thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 05/2015. Đến Ngày 05/12/2016 hai bên có làm biên bản thỏa thuận về hình thức trả nợ bà Cao Thị Đ và ông Trần Bá P trả được số tiền tổng cộng là 42.290.000 đồng và còn nợ lại 25.000.000 đồng. Hai bên cam kết nếu đến hết ngày 28/02/2017 ông P, bà Đ thanh toán tiếp số tiền 15.000.000 đồng thì ông S sẽ giảm nợ cho ông P, bà Đ số tiền còn lại là 10.000.000 đồng, nếu không thì ông P, bà Đ phải trả đủ số tiền 25.000.000 đồng nhưng đến nay chưa thực hiện. Điều đó, xác định chứng cứ của ông S cung cấp là có căn cứ vì theo Biên bản thỏa thuận có ký tên và viết họ tên của ông P và bà Đ xác nhận là có nợ ông S.

Giao dịch của các đương sự thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2015 (trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015) có hiệu lực. Vì vậy, áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về Hợp đồng mua bán tài sản:

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán”.

Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về Nghĩa vụ trả tiền:

“1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản.

2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật nêu trên chấp nhận yêu cầu của ông N buộc bà Đ và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S tiền vốn là 25.000.000 đồng và lãi là 4.980.000 đồng (Mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2019), tổng vốn và lãi là 29.980.000 đồng là chính đáng, cần được chấp nhận.

Bị đơn Cao Thị Đ và Trần Bá P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bị đơn cố ý trốn tránh và không có văn bản tường trình để phản bác các yêu cầu của nguyên đơn, cho nên bị đơn Cao Thị Đ và Trần Bá P đã từ bỏ các quyền của mình và phải gánh chịu mọi hậu quả do pháp luật quy định.

Do buộc Cao Thị Đ và Trần Bá P trả nợ cho Lê Minh S nên Cao Thị Đ và Trần Bá P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 428; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Lê Minh S.

- Buộc Cao Thị Đ và Trần Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho Lê Minh S vốn là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả 4.980.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2019), tổng vốn và lãi là 29.980.000 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Minh S có đơn yêu cầu thi hành án mà Cao Thị Đ và Trần Bá P chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho ông Lê Minh S thì hàng tháng bà Cao Thị Đ và Trần Bá P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

+ Cao Thị Đ và Trần Bá P phải chịu 1.499.000 đồng (Một triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

+ Hoàn trả lại cho ông Lê Minh S 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự theo biên lai số 0008672, ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/7/2017. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

